



TẠP CHÍ KHOA HỌC

ISSN: 2525-2348

# QUẢN LÝ & CÔNG NGHỆ

Journal of science of Management and Technology

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 429/GP - BTTTT

SỐ 18 Quý 3/2021



website: [tckh.utm.edu.vn](http://tckh.utm.edu.vn)

**TỔNG BIÊN TẬP**

PGS. TS Nguyễn Xuân Sơn

**HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

GS. TS Hoàng Xuân Thảo

PGS. TS Đinh Văn Chiến

TS Lê Quang Minh

GS. TS Trần Anh Bảo

PGS. TS Đỗ Hữu Tùng

GS. TS Phan Huy Đường

TS Phạm Văn Hiếu

TS Tô Hiến Thà

TS Phùng Trọng Toàn

PGS. TS Dương Đức Chính

PGS. TS Dương Thị Hoàng Yến

PGS. TS Nguyễn Xuân Sơn

**THƯ KÝ TOÀ SOẠN**

TS Phạm Kim Thư

ThS Phan Thị Lâm

**ĐỊA CHỈ TOÀ SOẠN**Lô 1-4, số 431 đường Tam Trinh,  
quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0326 356 456

Email: tapchikhoahoc@utm.edu.vn

**GIẤY PHÉP XUẤT BẢN**

Số 429/GP-BTTTT

Ngày 30/08/2016

của Bộ Thông tin và Truyền thông

**THIẾT KẾ VÀ CHẾ BẢN**

Đoàn Ngoan

In tại Công ty TNHH In - Thương  
mại và Dịch vụ Nguyễn Lâm

Giá: 55.000 đồng

**MỤC LỤC - CONTENT****NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG - APPLIED RESEARCH**

- ♦ **Lưu Thị Thu Hà:** Bàn về cơ cấu nguồn vốn của các Công ty cổ phần Khai thác than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - *Talk about capital structure of joint stock company Coal mining of industrial group Coal – minerals of vietnam* 1
- ♦ **Trần Thu Thủy:** Phát huy giá trị lễ hội ẩm thực đường phố góp phần phát triển du lịch dịch vụ ở TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - *Promote the values of street food festival contribute Development of tourism services in Hạ Long city, Quang Ninh province* 6
- ♦ **Vũ Thị Mai Hương:** Chuyển đổi mô hình Quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Hải Dương - *Transforming market management model in Hai Duong province* 11
- ♦ **Nguyễn Hồng Thái, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đinh Thị Nguyễn, Bùi Thị Phương, Ngô Khánh Ly:** Góp vốn theo hình thức đa cấp – Những vấn đề đặt ra - *Contributing capital as in multi-level form – The problems raised* 17
- ♦ **Nguyễn Thị Huyền Trang:** Thực trạng và triển vọng kinh tế việt nam trong gian đoạn hiện nay - *Current status and prospects of Vietnam's economy* 20
- ♦ **Hồ Thị Thu Huyền:** Sử dụng kỹ năng giao tiếp trong Quản trị dự án kinh doanh - *Use communication skills in business project administration* 25
- ♦ **Phạm Minh Thắng:** Khai thác nghệ thuật hát Then phục vụ phát triển kinh tế du lịch tại huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh - *Exploiting the art of singing Then serving tourism economic development economic tourism in Binh Lieu district, Quang Ninh province* 28
- ♦ **Vũ Thị Duyên:** Miền Bắc phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở Vật chất - Kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội (1961 - 1965) - *The North economic development, building facilities Materials - technology for socialism (1961 - 1965)* 32
- ♦ **Lê Thị Hồng Khuyến:** Giải pháp thúc đẩy công nghiệp hóa hiện đại hóa ở Việt Nam thích ứng với cách mạng công nghiệp lần thứ tư - *Solutions to promote industrialization, modernization in Vietnam to apply to the fourth industrial revolution* 36
- ♦ **Phạm Thị Kim Lan:** Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của khoa học kỹ thuật trong xây dựng chủ nghĩa xã hội - *Ho Chi Minh view on the role of Science and technology in socialist construction* 41
- ♦ **Lê Thị Mai:** Bài toán môi – vị trí điểm nóng của công trình biển trọng lực bê tông cốt thép theo phương pháp tổn thất tích lũy - *Major problem - hot-point location of cross-steel construction works by mechanical methods of cumulative loss method* 46
- ♦ **Đỗ Thị Lam:** Nghiên cứu, xuất bản vẽ từ 3D sang 2D phục vụ làm đáp án bộ đề thi môn hình họa – vẽ kỹ thuật - *Research, export drawing from 3d to 2d to do for the answer to the exam questions of graphics - technical drawing.* 51

**QUẢN LÝ - MANAGEMENT**

- ♦ **Doãn Hoàng Mai:** Sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học Từ vựng tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh - *Using mindmap in teaching English vocabulary of Business and Administration* 54
- ♦ **Hoàng Thị Kiều Ân:** Sử dụng mô hình “đôi bạn học tập” nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Anh - *The use of 'learning pairs' for improving the effectiveness of English language teaching and learning* 57
- ♦ **Cao Trung Hà, Nguyễn Hải Hà:** Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý học viên trong giáo dục, rèn luyện học viên tại Học viện Kỹ thuật Quân sự trong giai đoạn hiện nay - *Promoting the role of student management team in education and training students of Military Technology Academy in the course period* 62
- ♦ **Nguyễn Thị Kim Sơn:** Định lý cơ bản thứ hai với hàm đếm cắt cụt cho những đường cong chính hình không suy biến đại số trong  $P^3(\mathbb{C})$  - *The second main theorem with explicit truncated counting functions for nondegenerate holomorphic curves in  $P^3(\mathbb{C})$*  67
- ♦ **Lê Thị Kim Quyên, Lý Minh Thu:** Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với nhà giáo và ý nghĩa nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên các trường chính trị hiện nay - *Ho chi minh city for teachers and the meaning of improving the quality of teachers of policy school currently* 70

# BÀN VỀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN CỦA CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC THAN THUỘC TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Lưu Thị Thu Hà\*

## ABSTRACT

*The coal mining joint stock companies under Vinacomin currently have seven units with the main production and business tasks of mining, screening, processing and trading coal to meet the coal demand of the national economy. With the characteristics of the mining industry, the units all have large capital sources, but the capital structure mainly uses debt, the financial imbalance still occurs in many units, thereby affecting the small to the financial safety as well as the financial position and business performance of enterprises.*

**Keywords:** *Vinacomin, coal mining joint stock company, capital structure*

**Received:** 20/8/2021; **Accepted:** 06/09/2021; **Published:** 15/09/2021

### 1. Đặt vấn đề

Theo dự báo trong Quy hoạch điều chỉnh “*Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến 2020, có xét triển vọng đến 2030*” (phê duyệt theo Quyết định số 403/2016/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ - sau đây viết tắt là QH 403/2016) nhu cầu than của nền kinh tế quốc dân ngày càng tăng cao, cụ thể là (triệu tấn): đến năm 2020: 86,4; năm 2025: 121,5; năm 2030: 156,6; trong đó nhu cầu than cho sản xuất điện là: năm 2020: 64,1; năm 2025: 96,5; năm 2030: 131,1. Hiện nay sản lượng than khai thác của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) tập trung chủ yếu tại 07 đơn vị là các công ty cổ phần do Vinacomin nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Tuy nhiên, với đặc thù ngành công nghiệp khai thác than cần vốn đầu tư lớn để đầu tư nên tình trạng các doanh nghiệp sử dụng nhiều nợ vay trong cơ cấu nguồn vốn từ đó gây ra tình trạng mất an toàn tài chính, áp lực nợ vay tăng cao và ảnh hưởng tới tình hình tài chính của doanh nghiệp. Bài báo đề cập tới cơ cấu nguồn vốn của các công ty cổ phần khai thác than thuộc Vinacomin, qua đó đánh giá những tồn tại, bất cập trong cơ cấu nguồn vốn và đề xuất một số

giải pháp góp phần nâng cao an toàn tài chính trong cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp này.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Đặc điểm của ngành khai thác than ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh và cơ cấu nguồn vốn

Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp khai thác than vừa có những đặc điểm chung của ngành khai thác khoáng sản, vừa có những đặc điểm riêng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp. Cụ thể:

+ *Công nghiệp khai thác than* là ngành kinh tế đầu vào của nhiều ngành kinh tế khác. Hoạt động khai thác than bao gồm các hoạt động chính như thăm dò địa chất, đầu tư xây dựng mỏ, khai thác, vận chuyển, sàng tuyển để có sản phẩm dùng trong các ngành kinh tế khác. Là đầu vào của nhiều ngành công nghiệp khác, ngành khai thác than có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, có hiệu quả kinh tế liên ngành cao. Ngoài ra, trữ lượng than có giới hạn và không thể tái tạo được, trong khi nhu cầu ngày càng tăng cao, cho nên đòi hỏi phải khai thác tiết kiệm và tận thu tối đa tài nguyên. Điều này cũng đòi hỏi

\* TS. Trường Đại học Mở Địa chất



công nghệ tiên tiến, vốn đầu tư lớn và chi phí khai thác cao.

+ *Ngành công nghiệp khai thác than phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về điều kiện tự nhiên, môi trường.* Hiệu quả hoạt động khai thác kinh doanh than của các doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào các điều kiện khách quan của tự nhiên, bao gồm mức độ màu mỡ, giàu có của tài nguyên khoáng sản (về chủng loại, chất lượng và trữ lượng), điều kiện địa chất mỏ, vị trí địa lý, địa hình, kết cấu hạ tầng và trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, điều kiện thời tiết khí hậu. Giữa các mỏ thường có mức độ khó khăn, thuận lợi khác nhau do các điều kiện khách quan như đã nêu trên, nhất là chất lượng than nên hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than cũng rất khác nhau. Điều đó đòi hỏi phải có các biện pháp hợp lý quản lý giá thành khai thác, chế biến khoáng sản.

+ *Ngành khai thác than thường có cơ cấu vốn cố định chiếm tỷ trọng lớn do đó cơ cấu nguồn vốn thường sử dụng nguồn tài trợ ổn định và lâu dài.* Trong khai thác than không có nguyên liệu nên vốn lưu động chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng vốn kinh doanh, hơn nữa thời gian xây dựng cơ bản thường dài, nhất là các mỏ hầm lò, vòng quay vốn chậm nên cơ cấu vốn cố định chiếm tỷ trọng lớn. Trong đó, tài sản cố định loại thụ động gồm công trình, vật kiến trúc, nhà cửa, kho tàng, v.v. chiếm tỷ trọng tương đối cao trong tổng tài sản cố định và hầu hết các phương tiện, công cụ, máy móc, thiết bị khai thác, vận chuyển đều phải nhập khẩu. Do đó để đảm bảo an toàn tài chính, các doanh nghiệp thường sử dụng vốn chủ sở hữu (CSH) và nợ dài hạn để đầu tư, mua sắm tài sản cố định.

+ *Nghề khai thác than luôn chứa đựng nhiều rủi ro, nguy hiểm, nặng nhọc, có vốn đầu tư lớn.* Trung bình để lấy được một tấn than lộ thiên phải bóc xúc từ 7 đến 15 mét khối đất đá, lấy được 1.000 tấn than trong hầm lò phải đào hàng chục mét đường lò, ... phải vượt qua các loại phay phá và nhiều túi khí, túi nước trong lòng đất. Đa phần các mỏ thường nằm ở các vùng sâu, vùng xa, vùng rừng núi địa hình phức tạp, chưa có kết cấu

hạ tầng phát triển, nguồn lực hạn chế, trình độ dân trí thấp, khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ, tuyển dụng lao động... Điều kiện khai thác mỏ có xu hướng ngày càng khó khăn, phức tạp hơn do phải khai thác xuống sâu, đi xa, khai thác các mỏ, phần mỏ ở các vùng sâu, vùng xa làm cho mức độ rủi ro về an toàn, môi trường và tài nguyên ngày càng lớn và hiệu quả kinh doanh giảm xuống do chi phí đầu tư và chi phí khai thác ngày càng tăng do đó đòi hỏi nhu cầu vốn đầu tư lớn.

### **2.2. Hiện trạng cơ cấu nguồn vốn của các công ty cổ phần khai thác than thuộc Vinacomin**

Hiện nay Vinacomin có 07 doanh nghiệp khai thác than hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần được niêm yết trên sàn chứng khoán gồm Than Mông Dương - Vinacomin (MDC), Than Đèo Nai - Vinacomin (TDN), Than Cọc Sáu - Vinacomin (TC6), Than Vàng Danh - Vinacomin (TVD), Than Hà Lâm - Vinacomin (HLC), Than Hà Tu - Vinacomin (THT) và Than Núi Béo - Vinacomin (NBC). Các doanh nghiệp có ngành nghề sản xuất kinh doanh chính đó là khai thác, chế biến, tiêu thụ than.

#### **2.2.1. Hiện trạng hoạt động kinh doanh của các Công ty**

Tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty cổ phần khai thác than thuộc Vinacomin năm 2019 và 2020 được thể hiện qua bảng 2.1. Qua bảng cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin đều sụt giảm ở cả sản lượng than khai thác, sản lượng than tiêu thụ, doanh thu hoạt động và lợi nhuận sau thuế. Năm 2020, đối với ngành than nói chung và các công ty cổ phần khai thác than nói riêng cũng chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid, các đơn vị phải chủ động tổ chức sản xuất với phương châm “*Vừa sản xuất, vừa triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19*”, do đó làm ảnh hưởng không nhỏ tới việc điều hành sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó điều kiện khai thác ngày càng khó khăn, giá cả đầu vào, thuế, phí, ... tăng cao, đặc biệt là tình hình tiêu thụ than cuối năm 2020 của Vinacomin rất chậm, lượng than tồn kho tăng cao, nên sản lượng than tiêu thụ và doanh thu than của các

doanh nghiệp thấp theo gây khó khăn cho việc điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nên hầu hết các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh đều bị sụt giảm.

làm cho cơ cấu tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong đó tài sản cố định loại thụ động gồm công trình, vật kiến trúc, nhà cửa, kho tàng, v.v. chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng vốn kinh doanh.

*Bảng 2.1. Tổng hợp một số chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của các Công ty cổ phần khai thác than thuộc Vinacomin*

Chỉ tiêu	Đvt	MDC		TDN		TC6		TVD		HLC		THT		NBC	
		2019	2020	2019	2020	2019	2020	2019	2020	2019	2020	2019	2020	2019	2020
Than nguyên khai	Tr.Tấn	1,63	1,62	2,5	2,31	2,91	2,62	3,46	3,49	3,27	2,7	1,36	1,25	1,97	1,43
Than tiêu thụ	Tr.Tấn	1,58	1,60	2,41	2,32	2,92	2,65	2,96	2,84	3,17	2,53	1,43	1,32	1,9	1,68
Doanh thu	Tỷ đ	2089,3	2485,1	3493	3014,9	3597	3124,1	4544,1	4494,2	3155	2721,6	2462	2876,3	2448	2193,7
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	43,89	28,12	101,35	44,87	127,11	72,13	80,85	65,81	20,1	42,55	81,5	36,44	59,5	46,61

(Nguồn: Báo cáo thường niên của các Công ty cổ phần khai thác than Vinacomin năm 2019, 2020)

**2.2.2. Hiện trạng cơ cấu tài sản và nguồn vốn của các Công ty**

+ Về cơ cấu tài sản: Xét về cơ cấu tài sản của các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin thì tài sản dài hạn (TSDH) luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của các doanh nghiệp. Cơ cấu TSDH luôn chiếm trên 60%, trong đó có những doanh nghiệp có tỷ trọng TSDH rất cao như than Hà Lâm (95%), than Núi Béo (78%), than Vàng Danh (80%). Trong khi đó, tài sản ngắn hạn (TSNH) của các doanh nghiệp chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản. Có thể thấy cơ cấu tài sản của các công ty cổ phần khai thác than như trên là phù hợp với đặc thù của ngành khai thác khoáng sản đòi hỏi nhu cầu vốn đầu tư lớn, thời gian xây dựng cơ bản dài, nhất là các mỏ khai thác hầm lò, thu hồi vốn chậm. Điều đó

*Bảng 2.2. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn của các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin năm 2019*

Chỉ tiêu	MDC	TDN	TC6	TVD	HLC	THT	NBC
Tỷ suất TSNH	0,24	0,50	0,43	0,20	0,05	0,42	0,22
Tỷ suất TSDH	0,76	0,50	0,57	0,80	0,95	0,58	0,78
Hệ số nợ	0,80	0,74	0,83	0,80	0,91	0,75	0,87
Hệ số vốn CSH	0,20	0,26	0,17	0,20	0,09	0,25	0,13
Hệ số nợ phải trả trên vốn CSH	3,89	2,79	5,02	3,92	10,08	2,92	6,87
6. Cân đối vốn đầu tư dài hạn ( tỷ đ)	-243,9	-168,2	-404,9	-287,7	-657,8	-170,3	-515,9

(Nguồn: Báo cáo tài chính của các công ty cổ phần khai thác than năm 2019)

*Bảng 2.3. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn của các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin năm 2020*

Chỉ tiêu	MDC	TDN	TC6	TVD	HLC	THT	NBC
Tỷ suất TSNH	0,34	0,39	0,32	0,31	0,25	0,46	0,25
Tỷ suất TSDH	0,66	0,61	0,68	0,69	0,75	0,54	0,75
Hệ số nợ	0,83	0,71	0,80	0,81	0,84	0,80	0,87
Hệ số vốn CSH	0,17	0,29	0,20	0,19	0,16	0,20	0,13
Hệ số nợ phải trả trên vốn CSH	5,02	2,50	4,11	4,18	5,07	3,98	6,51
Cân đối vốn đầu tư dài hạn (tỷ đ)	-342,3	-168,3	-467,5	-282,03	548,8	129,3	-500,2

(Nguồn: Báo cáo tài chính của các công ty cổ phần khai thác than năm 2020)

+ *Về cơ cấu nguồn vốn:* Xét về cơ cấu nguồn vốn huy động của các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin trong năm 2019, 2020 cho thấy các doanh nghiệp chủ yếu là huy động nợ trong cơ cấu nguồn vốn. Kết quả cho thấy nợ phải trả của các đơn vị chiếm tỷ trọng khá cao (trung bình trên 70%), còn vốn CSH chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn (trung bình 30%). Cơ cấu nguồn vốn này cho thấy các đơn vị sản xuất than đang tận dụng những ưu thế trong việc huy động nợ để giúp các đơn vị có thể tranh thủ nguồn vốn từ bên ngoài với chi phí sử dụng vốn thấp bổ sung nhu cầu vốn kinh doanh. Tuy nhiên, khi các đơn vị sử dụng nợ quá lớn như than Hà Lâm, than Núi Béo, than Mông Dương,... đã tạo áp lực tài chính cho doanh nghiệp khi phải chi trả khoản lãi vay cao và chịu áp lực trả nợ từ phía chủ nợ, đặc biệt trong 2 năm qua bị tác động tiêu cực của đại dịch Covid khiến hoạt động sản xuất kinh doanh than của các công ty gặp nhiều khó khăn thì việc trang trải khoản lãi vay là không hề đơn giản.

+ *Về đảm bảo an toàn tài chính trong cơ cấu nguồn vốn:* Xem xét hệ số nợ phải trả trên vốn CSH của các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin cho thấy một số đơn vị chưa đảm bảo an toàn tài chính khi hệ số này vượt qua giới hạn an toàn theo quy định của Nhà nước (hệ số nợ phải trả trên vốn CSH nhỏ hơn 3) như than Hà Lâm (năm 2019: 10,08; năm 2020: 5,07); than Núi Béo (năm 2019: 6,87; năm 2020: 6,51); than Mông Dương (năm 2019: 3,89; năm 2020: 5,02);... Có thể thấy do quy mô vốn CSH nhỏ, nguồn vốn chủ yếu dựa vào vay nợ để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh nên đã phần nào ảnh hưởng đến mức độ đảm bảo an toàn tài chính của các doanh nghiệp. Hai năm gần đây do đại dịch Covid nền kinh tế thế giới bị suy thoái, kinh tế trong nước tăng trưởng chậm và thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, giá bán than giảm mạnh, diện khai thác của các đơn vị ngày càng phức tạp, đi xa, xuống sâu, hầu hết các điểm mỏ thuận lợi không còn trữ lượng và hiện đã có mỏ ở mức -300m, thậm chí có mỏ xuống tới -500m so với mực nước biển. Những khó khăn trong sản xuất kinh doanh đã ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tích lũy tài chính, đảm bảo an toàn tài chính của các doanh nghiệp.

+ *Về đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư:* Nhìn vào

cân đối vốn đầu tư dài hạn năm 2019 và 2020 cho thấy nguồn vốn đầu tư dài hạn bao gồm nguồn vốn CSH và nợ dài hạn không đủ cho đầu tư TSDH của các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin. Phần lớn các doanh nghiệp có tình trạng nguồn tài trợ dài hạn thường không đủ đáp ứng với nhu cầu tài sản dài hạn cần đầu tư, hay nói cách khác các đơn vị thường xuyên phải sử dụng nợ ngắn hạn để tài trợ cho nhu cầu đầu tư tài sản dài hạn như than Núi Béo (-500,2 tỷ đồng), than Mông Dương (-342,4 tỷ đồng), than Cọc Sáu (467,5 tỷ đồng), than Vàng Danh (-282 tỷ đồng),...

Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu vốn đầu tư phát triển than, khoáng sản theo các quy hoạch được duyệt và quy định về tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định của Luật Khoáng sản (tối thiểu 30% tổng mức đầu tư đối với dự án khai thác và 50% đối với dự án thăm dò) thì nguồn vốn CSH của các công ty cổ phần khai thác than của Vinacomin cũng không đáp ứng được yêu cầu, nhất là trong bối cảnh hiệu quả khai thác than ngày càng giảm do điều kiện khai thác ngày càng khó khăn và thuế, phí ngày càng cao làm cho chi phí đầu tư, giá thành tăng cao, trong khi giá bán có xu thế giảm mạnh.

### **2.3. Đề xuất giải pháp khắc phục những tồn tại trong cơ cấu nguồn vốn của các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin**

**2.3.1. Xây dựng chiến lược huy động vốn hợp lý, đáp ứng kịp thời, linh hoạt nhu cầu vốn đầu tư với chi phí thấp, giảm thiểu rủi ro và nâng cao hệ số an toàn tài chính**

Để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho khai thác than trong điều kiện nguồn vốn CSH của các đơn vị có hạn, đi đôi với việc phân đấu tăng vốn CSH để cải thiện cơ cấu nguồn vốn trên cơ sở nâng cao hiệu quả kinh doanh để tích lũy vốn, các đơn vị cần phải xây dựng và thực hiện chiến lược huy động vốn theo hướng đa dạng hóa nguồn vốn, kênh huy động vốn và đa dạng hóa hình thức huy động vốn, trong đó ngoài các hình thức huy động vốn truyền thống như vay các ngân hàng thương mại trong nước, các công ty cổ phần khai thác than có thể phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu để huy động vốn trên thị trường chứng khoán và các hình thức huy động vốn khác nhằm giảm thiểu chi phí sử dụng vốn cũng như rủi ro tài chính.

**2.3.2. Tăng cường phát triển vốn CSH và các**

*mặt công tác quản trị để nâng cao hiệu quả kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn nhằm tăng tích lũy phát triển vốn CSH.*

Để cơ cấu nguồn vốn không phụ thuộc quá lớn vào nợ, các doanh nghiệp cần phấn đấu nâng cao hiệu quả kinh doanh, gia tăng lợi nhuận để tích lũy bổ sung và phát triển vốn CSH qua đó nâng cao năng lực tự tài trợ, cải thiện hệ số nợ trên vốn CSH. Hiệu quả sản xuất kinh doanh than có ý nghĩa quan trọng để các đơn vị có nguồn tài chính bổ sung vốn cho sản xuất kinh doanh. Do đó để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, các đơn vị cần cơ cấu lại các khâu của sản xuất than như tăng sản lượng khai thác hầm lò, phát huy tối đa lợi thế khai thác lộ thiên, đẩy mạnh đầu tư và hoàn thiện các nhà máy sàng tuyển để tăng chất lượng than, nâng cao hệ số thu hồi than. Đồng thời, hoàn thiện, bổ sung hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, nhất là các chỉ tiêu công nghệ, định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu, năng lượng, định mức lao động, định mức, đơn giá thuê ngoài làm cơ sở cho công tác khoán chi phí đảm bảo lợi nhuận định mức hợp lý cho các công ty có đủ điều kiện tích tụ vốn để thực hiện đầu tư các dự án mới phát triển than.

### *2.3.3. Đẩy mạnh xử lý nợ phải trả*

Hiện nay, các khoản nợ phải trả của các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin rất lớn, nợ ngắn hạn chiếm trung bình gần 30%, nợ dài hạn trung bình chiếm 37% tổng nguồn vốn huy động của các doanh nghiệp, nhiều đơn vị nợ vay đã gấp nhiều lần vốn CSH. Nguyên nhân hệ số nợ phải trả trên vốn CSH cao là do vốn CSH thấp nên các doanh nghiệp phải đi vay nhiều. Do đó, để tránh tình trạng mất cân đối nguồn vốn, giảm thiểu rủi ro tài chính, các doanh nghiệp cần chủ động trong việc tạo nguồn trả nợ như thu hồi công nợ để trả nợ, bán tài sản; tìm biện pháp thích hợp để giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp về dòng tiền trả nợ. Bản thân các doanh nghiệp khi đưa ra quyết định đầu tư, cần nghiên cứu điều chỉnh thời hạn vay phù hợp với vòng đời của dự án đầu tư nhằm tránh tình trạng không có khả năng trả nợ, góp phần lành mạnh hóa tình hình tài chính; cần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn kinh doanh của các doanh nghiệp; đảm bảo cơ cấu vốn hợp lý với các ngành, lĩnh vực kinh doanh; bố trí sử dụng vốn đúng nguyên tắc và có hiệu quả, ổn định lượng

tiền mặt cần thiết cho cân cân thanh toán; đảm bảo cân đối hệ số vốn vay trên vốn CSH không vượt quá trung bình của ngành.

*2.3.4. Cơ cấu lại danh mục đầu tư, tập trung vào các ngành, lĩnh vực kinh doanh chính, trên cơ sở phân bổ lại nguồn lực đã có và huy động thêm vốn nhằm thực hiện được mục tiêu đã đề ra đảm bảo đáp ứng nhu cầu than, khoáng sản của nền kinh tế*

Trong bối cảnh thị trường than – khoáng sản biến động bất lợi (giá và nhu cầu giảm), trong ngắn hạn tạm thời giãn tiến độ hoặc đình hoãn đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc, thăm dò những khu vực mỏ khó khăn về điều kiện khai thác và chưa có cơ sở hạ tầng, xây dựng mới hoặc mở rộng các mỏ có giá thành cao; thay vào đó chỉ tập trung đầu tư thăm dò hoặc mở rộng khai thác tại các khu vực mỏ có tài nguyên tốt, điều kiện khai thác thuận lợi, kết cấu hạ tầng có sẵn để phục vụ nhu cầu khai thác cũng như đáp ứng nhu cầu sản lượng trong kế hoạch ngắn hạn và trung hạn để giảm áp lực nợ vay đặc biệt là các khoản nợ ngắn hạn từ đó cải thiện tình trạng mất cân đối nhu cầu vốn đầu tư.

### **3. Kết luận**

Hướng tới cơ cấu nguồn vốn đảm bảo an toàn tài chính luôn là mục tiêu của các doanh nghiệp trong đó có các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin. Tuy nhiên, để cải thiện cơ cấu nguồn vốn của mình, các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin cần phải có chiến lược cũng như thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính nói chung và cũng như huy động, sử dụng vốn hợp lý nói riêng, từ đó góp phần giúp các doanh nghiệp phát triển bền vững trong nền kinh tế thị trường.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 về phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 của Thủ tướng Chính phủ.
2. Các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên của các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin năm 2019, 2020.
3. <https://finance.vietstock.vn/HLC/ho-so-doanh-nghiep.htm>